

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bắc Thăng Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán: Mua sắm vật tư y tế (lần 1) năm 2026 thuộc dự toán mua sắm hàng năm tại đơn vị với nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu thông tin:

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Bắc Thăng Long - Tổ 18 - xã Thụ Lâm - thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người trực tiếp nhận thông tin:

Phòng Vật tư - thiết bị y tế (Liên hệ Dược sỹ Tuấn)

Số điện thoại: 0978 852 368. Email: vttbytbvbt@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận:

- Thư yêu cầu này đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và trên Website Bệnh viện theo địa chỉ: <http://benhvienbacthanglong.org.vn>.

Nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Sau thời điểm nêu trên Bệnh viện sẽ không tiếp nhận các thông tin gửi đến.

- Bản cứng gửi theo địa chỉ:

Phòng Vật tư - thiết bị y tế

Bệnh viện Bắc Thăng Long - Tổ 18 - xã Thụ Lâm - thành phố Hà Nội.

- Bản mềm gửi theo địa chỉ email: vttbytbvbt@gmail.com.

II. Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu cung cấp báo giá: Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Bắc Thăng Long.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 365 ngày sau khi hợp đồng được ký kết (đặt hàng nhiều đợt theo nhu cầu sử dụng tại Bệnh viện).

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng mã đặt hàng trong vòng 90 ngày khi có đầy đủ các thủ tục thanh toán.

5. Đơn vị cung cấp gửi kèm theo báo giá các tài liệu sau:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh thiết bị y tế (hoặc tương đương); Cattalog của hàng hóa hoặc tài liệu chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có).

- Nội dung chi tiết của báo giá: Theo biểu mẫu tại phụ lục 02 kèm theo.
- Số lượng báo giá: 02 bản.

Kính mong các đơn vị tham gia và cung cấp tài liệu.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Phòng CNTT (để đăng tải Website);
- Lưu: VT, VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Vũ Thành Chung

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC, CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 29 /YCBG-BVBTL ngày 09 tháng 01 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	Thành phần chính mỗi bộ tối thiểu gồm: 1. Bộ dây động mạch 2. Bộ dây tĩnh mạch 3. Transducer động mạch & transducer tĩnh mạch Sản xuất từ chất liệu PVC mềm hoặc tương đương, chống xoắn, không độc, không chứa chất gây sốt. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	5.000
2	Quả lọc thận nhân tạo	Dùng trong lọc thận nhân tạo, màng lọc thận Low Flux. Diện tích màng: 1,5 đến 1.6m ² ; Chất liệu màng: Polyethersulfon hoặc tương đương; Thể tích mỗi: 80-100 ml; Hệ số siêu lọc (kuf): $\geq 14\text{ml/h/mmHg}$, Tốc độ máu Qb $\geq 300\text{ml/phút}$, Tốc độ dịch Qd $\geq 500\text{ml/phút}$. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	4.500
3	Bộ dây dẫn máu	Sử dụng trong lọc máu HDF online, một bộ gồm 1 đầu nối luer, van 1 chiều, tiệt trùng. Tương thích với máy thận nhân tạo (HDF online) tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	20
4	Quả lọc thận nhân tạo Highflux	Sử dụng trong lọc thận nhân tạo. Màng lọc thận High Flux; chất liệu: amembris hoặc tương đương; được tiệt trùng; diện tích bề mặt $\geq 1.5\text{ m}^2$; thể tích mỗi $\geq 90\text{ ml}$; hệ số siêu lọc $\geq 87\text{ (ml/h/mmHg)}$; Qb $\geq 300\text{ml/phút}$; Độ thanh thải: Ure $\geq 272\text{ ml/phút}$; Creatinine $\geq 252\text{ ml/phút}$; Phosphat $\geq 251\text{ ml/phút}$; Vitamin B12 $\geq 171\text{ ml/phút}$; Hệ số sàng 2-microglobulin ≥ 0.8 ; Albumin ≤ 0.001 . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Quả	20
5	Dây nối quả hấp phụ máu và quả lọc	Sử dụng để kết nối giữa quả lọc máu và quả hấp phụ. Chất liệu làm bằng nhựa PVC mềm hoặc tương đương, không độc, không chất gây sốt. Tương thích với các loại máy. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	100
6	Quả lọc máu hấp phụ	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn. Thể tích hấp phụ 130mL. Vật liệu vỏ: Polycarbonate hoặc tương đương. Vật liệu hấp phụ: Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer. Tiệt trùng. Thể tích khoang máu khoảng 114 mL. Lưu lượng máu tối đa khoảng 250mL/phút. Diện tích hấp phụ khoảng: 52.000m ² . Tương thích với các loại máy. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	100
7	Quả lọc dịch thâm tách siêu sạch	Màng Polysulfone hoặc tương đương, khả năng hấp thụ cao, có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố $\geq 106\text{ IU/ml}$; tuổi thọ màng lọc ≥ 150 lần chạy thận hoặc ≥ 900 giờ chạy, có tính ổn định cao. Tương thích với máy thận nhân tạo (HDF online) tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	40
8	Bộ quả trao đổi huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn. Sử dụng tương thích với Máy lọc máu liên tục sử dụng tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	15
9	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Sử dụng tương thích với Máy lọc máu liên tục sử dụng tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	40
10	Bộ quả lọc máu liên tục/ hấp phụ	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin OXIRIS kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết). Sử dụng tương thích với Máy lọc máu liên tục sử dụng tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	30

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
11	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	Sử dụng trong lọc thận nhân tạo. Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat). Sử dụng tương thích với dịch A (đậm đặc). Thành phần chính 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương	Lít	82.000
12	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	Sử dụng trong lọc thận nhân tạo. Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid). Sử dụng tương thích với dịch B (đậm đặc) Thành phần chính 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708,69g • Kali clorid: 67,10g • Calciclorid.2H ₂ O: 99,24 g • Magnezi clorid.6H ₂ O: 45,75g • Acid acetic băng: 81,00g • Glucose H ₂ O : 494,99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương	Lít	45.000
13	Phim X-Quang	Kích cỡ: 35x43cm. Phim khô in lase dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim sử dụng tại Bệnh viện (Drypix6000). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp ≥ 100 tờ	Hộp	250
14	Phim X-Quang	Kích cỡ: 20x25cm. Phim khô in lase dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim sử dụng tại Bệnh viện (Trimax TX55). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Hộp ≥ 125 tờ	Hộp	400
15	Phim X-Quang	Kích cỡ: 35x43cm. Phim khô in lase dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim sử dụng tại Bệnh viện (Trimax TX55). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Hộp ≥ 125 tờ	Hộp	20
16	Kính lọc tia laser	- Kính lọc tia laser sử dụng cho máy tán sỏi laser. Tương thích với Hệ thống máy tán sỏi ngược dòng bằng Laser (CYBER HO 100) tại Bệnh viện. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	4
17	Dây dẫn tia Laser dùng nhiều lần	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 800 micron, dài ≥ 3m, đường kính ngoài 1,2mm. Tương thích với ương thích với Hệ thống máy tán sỏi ngược dòng bằng Laser tại Bệnh viện. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương	Chiếc	4
18	Dây dẫn tia Laser dùng nhiều lần	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 550 micron, dài ≥ 3m, đường kính ngoài 0,75mm. Tương thích với ương thích với Hệ thống máy tán sỏi ngược dòng bằng Laser tại Bệnh viện. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương	Chiếc	8
19	Dây dẫn tia Laser dùng nhiều lần	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 272 micron, dài ≥ 3m, đường kính ngoài 0,42mm. Tương thích với ương thích với Hệ thống máy tán sỏi ngược dòng bằng Laser tại Bệnh viện. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương	Chiếc	2
20	Sonde niệu quản (Sonde JJ)	Chất liệu Polyurethane hoặc tương đương. Chiều dài ≥ 26cm, có vạch chia trên thân. Đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 12485 hoặc tương đương.	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
21	Khăn mổ tán sỏi thận qua da	Bộ khăn mổ lấy sỏi thận qua da. - 01 Khăn mổ lấy sỏi thận qua da làm bằng vải không dệt SMMMS hoặc tương đương, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, có màng phẫu thuật cao cấp. Có túi chứa dịch lỏng với màng lọc và co nối. - 01 Khăn có keo, làm từ vải không dệt, 5 lớp SMMMS hoặc tương đương, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Có băng keo y tế với mỗi gỡ sẵn dọc chiều dài băng keo. - 01 Giấy gói làm bằng vải không dệt Spunbond hoặc tương đương - 02 Khăn thấm làm bằng vải không dệt Spunlace hoặc tương đương, thấm, màu trắng, mềm mại, thấm hút tốt, không gây kích ứng da. - Vô trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	120
22	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện	Đỉnh nội tủy xương chày có chốt. Chất liệu titanium hoặc tương đương Đường kính gồm các loại trong khoảng $\geq 7.0\text{mm}$ đến $\leq 11.5\text{mm}$, tối thiểu 3 kích cỡ. Chiều dài đỉnh trong khoảng 260mm đến 420mm. Có khung định vị 3 chiều tương thích. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	20
23	Đỉnh nội tủy xương đùi đa phương diện rỗng nòng	Đỉnh nội tủy xương đùi có chốt Chất liệu titanium hoặc tương đương Đường kính: có tối thiểu 3 kích cỡ 9 mm; 10mm; 11mm Chiều dài đỉnh trong khoảng 320mm đến 420mm. nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	20
24	Vít chốt khóa đỉnh nội tủy 4,5 mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương Dài khoảng: 30mm đến 90mm bước tăng 5mm tương thích với đỉnh Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	130
25	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Số lỗ: có từ 5-14 lỗ Lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm tự taro. Chiều dày nẹp $\geq 4\text{ mm}$, chiều rộng nẹp $\geq 13\text{ mm}$, chiều dài nẹp $\geq 106\text{ mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	15
26	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Số lỗ: có từ 5-14 lỗ Chiều dày nẹp $\geq 5.0\text{ mm}$, chiều rộng $\geq 18\text{mm}$; chiều dài $\geq 106\text{mm}$ đến $\leq 271\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	15
27	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lỏng các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Độ dày nẹp $\geq 2.0\text{mm}$, độ rộng $\geq 9.0\text{ mm}$, số lỗ thân từ 3-7 lỗ, độ dài $\geq 47\text{mm}$ đến $\leq 86\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10
28	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại	Chất liệu titanium hoặc tương đương Thân có tối thiểu từ 3 đến 9 lỗ thân. Độ dày nẹp $\geq 2.5\text{mm}$, rộng $\geq 11\text{mm}$. Chiều dài $\geq 84\text{mm}$ đến $\leq 159\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	30

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
29	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài	Chất liệu titanium hoặc tương đương Số lỗ thân: Có tối thiểu 3-8 lỗ trái/phải. Độ dày $\geq 2.5\text{mm}$, rộng $\geq 11\text{mm}$. Chiều dài $\geq 65\text{mm}$ đến $\leq 166.4\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10
30	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Số lỗ thân có từ 5-13 lỗ trái/phải Độ dày nẹp $\geq 5\text{mm}$, độ rộng thân $\geq 16\text{mm}$, chiều dài $\geq 141\text{mm}$ đến $\leq 316.4\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10
31	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài các loại	Chất liệu titanium hoặc tương đương Số lỗ ở thân có từ 4-13 lỗ trái/phải Độ dày nẹp $\geq 4\text{mm}$, độ rộng nẹp $\geq 11.2\text{mm}$. Chiều dài nẹp $\geq 120\text{mm}$ đến $\leq 303.3\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	15
32	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài	Chất liệu titanium hoặc tương đương Số lỗ ở thân có từ 4-13 lỗ trái/phải Độ dày nẹp $\geq 3\text{mm}$, độ rộng nẹp $\geq 12.5\text{mm}$, Chiều dài nẹp $\geq 80\text{mm}$ đến $\leq 269.8\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	15
33	Nẹp khóa mắt xích các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Nẹp khóa mắt xích thẳng: thân nẹp có từ 4-12 lỗ. Dùng vít khóa 3.5mm/ vít cứng 3.5mm Chiều dày nẹp $\geq 2.5\text{mm}$, độ rộng nẹp $\geq 10\text{mm}$, chiều dài $\geq 48\text{mm}$ đến $\leq 144\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	30
34	Nẹp khóa xương đòn có móc các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Thân nẹp có từ 4-7 lỗ, phân biệt trái/phải Độ dày nẹp $\geq 3\text{mm}$, độ rộng nẹp $\geq 9.8\text{mm}$, chiều dài từ $\geq 63\text{mm}$ đến $\leq 97\text{mm}$. Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm tự taro Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	30
35	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	Chất liệu titanium hoặc tương đương Thân nẹp có 6-9 lỗ trái/phải Độ dày nẹp $\geq 2.4\text{mm}$, rộng $\geq 10\text{mm}$, chiều dài $\geq 61.8\text{mm}$ đến $\leq 112\text{mm}$, sử dụng vít 3.5mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	70
36	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Chất liệu titanium hoặc tương đương, tự taro. Chiều dài từ $\geq 10\text{mm}$ đến $\leq 60\text{mm}$, nhiều kích thước cho việc lựa chọn Đường kính thân vít: 3.5mm Đường kính mũ vít: 5.9mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	50
37	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Chất liệu titanium hoặc tương đương, tự taro. Chiều dài từ $\geq 14\text{mm}$ đến $\leq 70\text{mm}$, nhiều kích thước cho việc lựa chọn Đường kính thân vít: 4.5mm Đường kính mũ vít: 7.9mm Tương thích đồng bộ với nẹp khóa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
38	Vít khóa đường kính 2.7mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, tự tazo. Chiều dài từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 40\text{mm}$, nhiều kích thước để lựa chọn Đường kính thân vít: 2.7mm Đường kính mũ vít: 5.5mm Tương thích đồng bộ với nẹp khóa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	100
39	Vít khóa đường kính 3.5mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương Chiều dài từ $\geq 10\text{mm}$ đến $\leq 60\text{mm}$, nhiều kích thước cho việc lựa chọn vít Đường kính thân vít: 3.5mm Đường kính mũ vít: 5.5mm Tương thích đồng bộ với nẹp khóa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	1.000
40	Vít khóa đường kính 5.0mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, tự tazo Chiều dài từ $\geq 14\text{mm}$ đến $\leq 90\text{mm}$, nhiều kích thước cho việc lựa chọn Đường kính thân vít: 5.0mm Đường kính mũ vít: 6.8mm Tương thích đồng bộ với nẹp khóa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	800
41	Vis xóp	Chất liệu titanium hoặc tương đương. Chiều dài từ ≥ 35 đến $\leq 110\text{mm}$ Đường kính thân vít: 5.0mm Đường kính mũ vít: 6.8mm Ren toàn phần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	200
42	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy	Chất liệu titanium hoặc tương đương. Chiều dài từ $\geq 65\text{mm}$ đến $\leq 120\text{mm}$ Đường kính thân vít: 6.4mm Đường kính mũ vít: 8.0mm Tương thích với đinh nội tủy xương đùi dài Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	40
43	Đinh nội tủy xương đùi	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Đường kính từ 9mm - 14mm Có tối thiểu 3 độ dài: 180mm - 200mm - 240mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	20
44	Vis xóp	Chất liệu Titanium hoặc tương đương Chiều dài từ $\geq 10\text{mm}$ đến $\leq 60\text{mm}$, nhiều kích thước cho việc lựa chọn vít Đường kính thân vít: 3.5mm Đường kính mũ vít: 5.5mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	200
Tổng cộng: 44 khoản				

Phụ lục 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 29 /YCBG-BVBTTL ngày 09/01/2026)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bắc Thăng Long

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bắc Thăng Long, chúng tôi(Tên đơn vị cung cấp báo giá)

Địa chỉ: Mã số thuế:

Điện thoại:

Email:

1. Báo giá cho các hàng hóa và các dịch vụ liên quan:

STT	STT theo danh mục mời chào giá	Danh mục hàng hóa chào giá	Mã VT theo TT 04/2017 /TT- BYT (nếu có)	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS của hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí dịch vụ liên quan)	Thành tiền (VNĐ)	Số Giấy phép lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu (nếu có) hoặc tương đương	Phân loại BHYT	Giá trúng thầu tương tự trong vòng 12 tháng (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	1																

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 06 tháng, kể từ ngày hết hiệu lực của thời gian yêu cầu cung cấp báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị nêu trong báo giá là phụ hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP HÃNG SẢN XUẤT, NHÀ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu)